| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN M'ĐRẮK**<br>TỈNH ĐẮK LẮK | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
ngày 31 – 3 – 2023
Về ly hôn, nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Thế Dương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Giang; Bà Bùi Thị Thêm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại Hội trường Toà án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 188/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về *"Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Văn S sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn 5, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Ông S có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị T sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn 5, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Bà T vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Bùi Văn S trình bày:*

Tôi và bà Phạm Thị T đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Đ vào ngày 10/12/2009. Việc kết hôn của chúng tôi hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống, do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, lối sống dẫn đến vợ chồng cãi vã, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ngoài ra, bà T có cách xử sự và lối sống không tôn trọng bố mẹ tôi, thậm chí có hành vi xô xát với

bố tôi. Tôi đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Chúng tôi vẫn sinh sống cùng nhà với nhau, nhưng không ăn uống, sinh hoạt chung và nói chuyện với nhau từ cuối năm 2022 cho đến nay. Xét thấy, giữa tôi và bà T không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà T.

Tôi và bà T có 02 con chung là Bùi Nhật M sinh ngày 09/5/2011 và Bùi Phạm Ngọc D sinh ngày 22/8/2015. Khi ly hôn, tôi đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con đến khi các con đủ 18 tuổi, tôi không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con cho tôi.

Về tài sản chung: chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Bị đơn là bà Phạm Thị T:* Bà T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng không đến Tòa án làm việc. Tại biên bản làm việc ngày 10/02/2023, bà T trình bày không đồng ý ly hôn với ông S, nhưng không trình bày lý do cụ thể và không trình bày về quan hệ con cái, tài sản. Bà T vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến của bà T.

* Các cháu Bùi Nhật M và Bùi Phạm Ngọc D là con chung của ông S bà T trình bày: Thời gian gần đây, ông S và bà T xảy ra mâu thuẫn về tình cảm, không còn quan tâm, nói chuyện và ăn uống cùng nhau. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ ly hôn thì các cháu đều có nguyện vọng được ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán, thư ký chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xử cho ông Bùi Văn S được ly hôn với bà Phạm Thị T; Giao các con Bùi Nhật M sinh ngày 09/5/2011 và Bùi Phạm Ngọc D sinh ngày 22/8/2015 cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Ông Bùi Văn S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Phạm Thị T, bà T có nơi cư trú tại thôn 5, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Quan hệ pháp luật cần

giải quyết là ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Phạm Thị T đã được tống đạt các văn bản tố tụng và được triệu tập làm việc nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Tại phiên tòa, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm c khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn S và bà Phạm Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Đ. Hôn nhân giữa ông S và bà T là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình tố tụng, bà T không trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân. Lời khai của ông S trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống và do bà T không hòa thuận với bố mẹ chồng là phù hợp với biên bản xác minh tại địa phương ngày 10/02/2023 và trình bày của các con chung của ông S bà T. Ông S và bà T vẫn sinh sống cùng một nhà nhưng không còn sinh hoạt chung và trao đổi với nhau từ cuối năm 2022 đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông S và bà T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của ông S, xử cho ông S được ly hôn với bà T.

[2.2] Về con chung: Ông Bùi Văn S và bà Phạm Thị T có 02 con chung là Bùi Nhật M sinh ngày 09/5/2011 và Bùi Phạm Ngọc D sinh ngày 22/8/2015. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, HĐXX cần xem xét nguyện vọng của con và điều kiện nuôi dưỡng con của các bên. Xét điều kiện, hoàn cảnh của ông S bà T, theo biên bản xác minh ngày 10/02/2023 tại địa phương thể hiện ông bà đang sinh sống tại căn nhà xây dựng trên đất của bố mẹ ông S. Ông S làm nông nghiệp, chăn nuôi, thu nhập ổn định là đảm bảo cho việc nuôi con và phù hợp với nguyện vọng của các con. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người con chưa thành niên, căn cứ vào Điều 81 của Luật HNGĐ, HĐXX cần giao các con Bùi Nhật M và Bùi Phạm Ngọc D cho ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Ông S không yêu cầu vấn đề cấp dưỡng, nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông S và bà T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Bùi Văn S là nguyên đơn, phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn S:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Bùi Văn S được ly hôn với bà Phạm Thị T.

1.2. Về con chung: Giao con Bùi Nhật M sinh ngày 09/5/2011 và Bùi Phạm Ngọc D sinh ngày 22/8/2015 cho ông Bùi Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Ông Bùi Văn S phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 60AA/2021/0009504 ngày 23/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M’Đrắk.

Thông báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án HNGĐ -ST trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án HNGĐ -ST trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
**(Đã ký)**

**Nguyễn Thế Dương**

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND huyện M’Đrắk;
-Chi cục T.H.A dân sự huyện M’Đrắk;
-UBND xã C;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.